

## Tết và Hoa Mai Hoa Đào

### SẮP THÊM MỘT TẾT QUÊ NGƯỜI MÀ TA VẪN CỨ NGÓNG HOÀI ĐÀO MAI

Mường Giang



Hà Nội, hằng năm sau ngày cúng đưa Táo quân về trời, bắt đầu từ sáng 24 kéo dài tới chiều ba mươi, suốt một tuần lễ có phiên chợ Hoa đặc biệt ở Phố Hàng Lược, chỉ bán các loại hoa, cây cảnh, đặc biệt là Hoa Đào và Quất, rất được nhiều người ưa thích vì lâu tàn, có thể chơi suốt tháng giêng mới đem bỏ. Chợ Hoa ở Hàng Lược còn là trung tâm cung cấp hoa cho các chợ Đồng Xuân, Cửa Nam, Mơ, Hôm, Hàng Da và nhiều hè phố khắp Hà Nội. Đây là chôn ngàn năm văn vật của Đại Việt, nên từ xưa kinh thành Thăng Long đã là xứ ngàn hoa đua nở, từ Hồ Tây, Nghi Tầm, Vọng Thị, Trích Sài... kéo dài tới Làng Yên Hoa trên đê Yên Phụ, Quảng Bá, Ngọc Hà, Nhật Tân... Tất cả làm cho Hà Nội thành xứ ngàn hoa, từng được thi nhân bao đời gọi là rừng mơ với nhiều loại hoa mai, hoa đào trân quý.

Sài Gòn những ngày gần tết, đi đâu cũng thấy toàn là hoa, làm cho mùa xuân thêm muôn màu nghìn dáng, với đủ loài hoa từ Đà Lạt, Phương Lâm, Sa Đét, Gò Vấp, Thủ Đức, Phú Thọ đưa vào. Những ngày này, đi đâu cũng thấy Sài Thành thật là thơ mộng, qua hình ảnh của những chiếc thổ mộ lẫn bánh cóc cách gõ nhịp khắp đường phố, xe nào cũng chất đầy hoa như đang chở cả mùa xuân từ muôn phương đem về dâng hiến làm vui cho Sài Gòn. Tóm lại, theo tập quán của tổ tiên truyền lại, thì vui xuân đón tết, ngoài việc bày cỗ bàn cúng kính tiền nhân. Ngoài ra hầu như nhà nào, dù giàu hay nghèo, cũng không thể thiếu các món trà, rượu, pháo và nhất là các loại hoa đào (miền Bắc), mai (miền Trung và Nam), đồng thời còn thưởng thức thêm các loại hoa cúc, hồng, vạn thọ, trường sanh, mồng gà... Riêng các cụ xưa có phần kiêu cách hơn, nên luôn trong



nhà lúc nào cũng có sẵn một chậu Lan, Cúc hay Mai tứ thời. Nhưng dù các loài hoa có khoe trăm hương, ngàn sắc, thì những ngày Tết Nguyên Đán tại VN, đào và mai cũng vẫn là hai loài hoa trân quý, được mọi người ái mộ nhất.



MỖI NĂM LẠI MÙA TẾT  
LÒNG BÂNG KHUÂNG LỆ RƠI  
NHỚ NHỮNG XUÂN NĂM CŨ  
LÍNH GIỮ QUÊ CHO NGƯỜI

NHỮNG NĂM MAI VÀNG NỞ  
MIỀN NAM VUI TẾT XUÂN  
SÚNG CỘNG THAY PHÁO NỔ  
GIẾT MUÔN DÂN CHẬP CHỪNG



CỘNG PHỈ NHÂN BẤT NGHĨA  
HUỀ XUÂN NÀO TANG THƯƠNG  
NGẬM NGÙI VẠN MỘ ĐỊA  
KHẢN TANG TRẮNG PHỔ PHƯỜNG



RỒI NAY XUÂN LẠI ĐẾN  
CỜ MÁU NỖI KINH HOÀNG  
ĐÓN XUÂN TAY BỊ TRÓI  
NON NƯỚC TÔI LÂM THAN



## 1. MỖI NĂM HOA ĐÀO NỞ:

Ngày Tết chơi hoa đào, hầu như chỉ thịnh hành trên đất Bắc. Riêng các tỉnh từ nam Vỹ tuyến 17 vào tới mũi Cà Mau, nhà nhà dùng Mai thay Hoa Đào trong ba ngày xuân, dù Đà Lạt được mệnh danh là xứ hoa đào. Mai và Đào đều là hai loài hoa tinh khiết, quý hiếm trong muôn loài, tượng trưng cho sức sống kỳ diệu của hoa giữa trời xuân, lại có hương thơm nhẹ nhàng thanh thoát, hợp với không khí đầm ấm hạnh phúc của người đang rạo rức vui xuân.

Thú chơi Đào ngày tết đã có từ lâu rồi. Tổ tiên ta thuở bình minh dựng nước trên đất Bắc, khi chọn hoa đào để làm thú tiêu khiển trong ba ngày tết, chắc hẳn đã nghĩ tới màu đỏ thắm rực rỡ của đào, giống như viễn ảnh của một năm mới sắp tới, cũng trong sáng đẹp đẽ như màu hoa. Hơn nữa theo quan niệm của Á Đông, màu đỏ luôn tượng trưng cho niềm hy vọng của con người. Ngoài ra theo truyền thuyết, ngoài hoa sắc nỡn nường, hoa đào còn được coi như là vật trấn yêu, trừ ma quỷ. Diễn tích trên được rút từ truyện hai vị thần Uất Lũy và Trần Trà ở núi Độ Sơn, cai quản một đám âm binh, quỷ sứ. Để trị bọn chúng, hai thần đã dùng cành đào như một thứ vũ khí đặc biệt. Vì lý do trên, người VN nhất là ở miền Bắc, qua ảnh hưởng của Trung Hoa, đều tin rằng chơi hoa đào trong ba ngày tết, ma quỷ sẽ không dám vào nhà để lộng hành phá phách, làm hại mọi người.

Tại Hà Nội, vào những ngày Tết có bán hai loại hoa đào, đó là Hồng đào và Bích đào... Đây là loại hoa kiểng có màu đỏ thắm rất đẹp, không có quả. Thứ hoa này có thể sống được vài ngày. Xưa nay với những người Việt di cư từ miền Bắc vào Nam năm 1954, thì mỗi lần Tết đến có trăm nhớ nghìn thương, chứ đâu phải chỉ có hoa đào, cây nêu và câu đối đỏ, như một nhà thơ nào đó đã viết:



*“Em ở mình đây trời nắng lắm  
Sài Gòn không biết có xuân sang  
Xuân này xứ Bắc ra sao nhỉ  
đào có hây hây, cúc có vàng  
câu đối có còn ôm đỏ cột  
nêu dài tiếng khách có khua vang?”*

Nói như người Hà Nội thì mùa xuân là mùa hoa, tựa như con người trên đường đi tìm hạnh phúc cho chính mình, biết gìn giữ hay thưởng thức, nói chung phải có người biết chơi hoa, yêu hoa, trân quý nâng niu thì hoa mới có ý nghĩa với đời. Bởi vậy đã có không biết bao văn nhân tài tử đất Bắc, hàng năm không thềm ghé vào chợ Hoa Tết Hàng Lược trước mắt, mà phải lặn lội trong mưa phùn gió bắc lạnh lẽo khổ sở, tìm tới các rừng Mơ ở tận Nhật Tân, Quảng Bá, Nghi Tàm, Từ Liêm... với mục đích chỉ tìm cho bằng được một hồn hoa còn trinh bạch, đang thẹn thùng e lệ núp lén đầu đó trong cảnh mưa gió phủ phàng. Đâu đâu cũng ngồn ngang những nhánh Chi Mai, một góc Trà Thâm, nhiều giỏ Đại Đóa đang chen vai khoe sắc bên cạnh các chậu Mộc Lan... tuy nhiên tất cả đều không phải là những thứ người nghệ sĩ đang tìm kiếm, mà là Hoa Đào. Đây chính là loài hoa được Thôi Hộ, Ôn Như Hầu, Nguyễn Du... từng nhắc nhớ, loài hoa Hồ Ly Tinh trải qua bao thế kỷ, đã ru hồn các nghệ sĩ, khiến cho họ phải từng canh bâng khuâng, xao xuyến, mộng mị trong mong chờ. Vì vậy dù Tết đã qua, hoa đã thành “khứ niên” nhưng linh hồn của nó vẫn như đọng lại nơi tâm khảm của khách yêu hoa, khác nào nổi ngát ngư của môi tình đầu mà ta đã trải qua trong đời với người yêu dấu ái.

Bao đời Hà Nội ngày xuân tươi thắm qua màu đỏ chói của Bích Đào, Mộng Tụ lẫn Đào Thăng Long. Ngoài ra còn loại Bạch Đào cực hiếm khó có được, nên trong phút giao thừa đêm cuối chạp, thường làm cho người yêu hoa phải ngẩn ngơ thao thức, đứng với



hoa trong ánh bạch lạp chập chờn trên bàn thờ, mà tưởng như hồn đã hóa thành đá, giữa cõi mệnh mang trống vọng biển đời, thực ảo, hơn thua, biết đâu mà mộng mị.

Nhưng nhắc tới hoa Đào, ta không thể không nhớ tới Vũ Đình Liên với thi phẩm tuyệt tác “*Ông đồ già*”:

*Mỗi năm hoa đào nở  
lại thấy ông đồ già  
bày mực Tàu giấy đỏ  
bên phố đông người qua  
năm nay đào lại nở  
không thấy ông đồ xưa*

Hỡi ơi mỗi năm mỗi tuổi như đuổi xuân đi, bạn bè người thân may mắn còn sống sót sau cuộc chiến, nào Nhật Trường, Hồ Tài, Trần Tác, Phùng Thế Xương, kể cả Võ Thị Thanh Tâm, tuổi đời mộng mơ đang chớm, cũng đã trở thành người trăm năm cũ, dù Tết nào hoa Đào cũng vẫn nở, mà bóng người xưa đã khuất nẻo mây ngàn. Tóm lại, Hoa Đào ngoài công dụng làm vật trang trí cho người tiêu khiển, cũng đã đi vào kho tàng văn chương, tục ngữ của nhiều dân tộc. Trong “Cung oán ngâm khúc”, Ôn Như Hầu đã viết:

*“Áng đào kiếm đâm hoa nã chúng  
khóc thu ba dọn sóng khuynh thành”*

Qua hai câu thơ trên, tác giả đã mượn màu sắc tươi thắm, nồn nường của hoa đào, để diễn tả nhan sắc chim sa, cá lặn của những người đàn bà đẹp. Nhưng tình là gì, nếu không phải là những uẩn khúc thương tâm và càng xa xót đối với người đẹp. Bởi vậy thi nhân đã hạ bút viết thêm “Mà xui phận bạc nằm trong má đào”.

Má đào cũng được dùng để chỉ người đẹp. Danh từ trên được rút từ điển tích Thôi Hộ đời nhà Đường, nhân tiết Thanh Minh ngoạn cảnh, đi lạc vào một vườn hoa đào. Sau đó đã gặp và yêu một người con gái đẹp tên Đào Phụng Trinh. Cả hai đã gắn bó, thề hẹn và chàng hứa sẽ trở lại thăm nàng. Năm sau, Thôi Hộ lại đến vườn đào nhân buổi đầu xuân, nên khắp nơi hoa đào rực rỡ khoe hương sắc đầy trời. Nhưng cảnh cũ còn đây, hoa đào còn đó, mà bóng người xưa đã biệt phương trời. Nỗi lòng, Thôi Hộ đặt bút viết một bài thơ tứ tuyệt, dán nơi cửa vườn hoa năm ngoái, mà hai người đã gặp gỡ:

*“Khứ niên kim nhật thử môn trung  
nhân diện đào hoa tương ánh hồng  
nhân diện bất tri hà xứ khứ  
đào hoa y cựu tiếu đông phong”*

Năm sau nữa cũng độ xuân về, lòng thương nhớ không nguôi, Thôi Hộ lại lần mò đến vườn xưa, chợt nghe tiếng khóc than thảm thiết, hỏi ra mới biết, đó là tiếng khóc của cha Đào Phụng Trinh. Nàng vì thất tình nên mang bệnh trầm kha, trong cơn hấp hối, sau khi được đọc qua bài thơ tỏ tình của Thôi Hộ. Cảm xúc trước cảnh đau lòng, nên chàng mong được gặp Đào Phụng Trinh lần cuối. Nhờ vậy nàng đã sống lại khi nghe tiếng chàng gọi mình, thế là hai người đẹp duyên cầm sắc, giữa vườn đào đang nở rộ đón xuân sang. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du tiên sinh cũng đã viết:

*“Trước sân nào thấy bóng người,  
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông”*

Tóm lại danh từ “má đào” dùng để chỉ những người đàn bà đẹp. Ngoài ra “hoa đào” còn tượng trưng cho tuổi thanh xuân, của các cô gái sắp về nhà chồng, như Kinh thi đã viết:

*“Đào chi yên yên  
thước thước kỳ hoa  
chi tử vu quy  
nghĩ kỳ thất gia”*

Ý nói:

*“mơn mớn đào non,  
rực rỡ màu hoa,  
cô đi lấy chồng,  
hạnh phúc trăm năm”.*

## **2. MAI VÀNG:**

Tự ngàn xưa, Mai đã được xếp vào loại hoa quý nhất trong ngàn hoa. Trong nhiều bức tranh cổ còn lưu truyền như tranh Tứ Bình, vẽ bốn loại hoa cực quý là Mai, Lan, Cúc, Trúc. Ngoài ra còn có tranh tứ thời, cũng vẽ bốn loại hoa cảnh nổi tiếng là Tùng, Cúc, Trúc, Mai hay Lan, Sen, Cúc, Mai. Tóm lại dù con người qua các thời đại có thay đổi quan niệm thưởng ngoạn thế nào chăng nữa, thì ta vẫn thấy có sự hiện diện của hoa Mai:

*“Đua chen thu cúc, xuân đào  
lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông” --(Bích Câu kỳ ngộ)*

Tại VNCH trước ngày 30-4-1975 có rất nhiều hoa Mai nhưng nhiều nhất là hai tỉnh Quảng Nam và Bình Thuận. Ở thủ đô Sài Gòn vào những ngày sắp tết, Mai từ các tỉnh miền Trung như Đà Lạt, Phương Lâm (Lâm Đồng) hay Nam Phần tại Sa Đéc, đổ vào hàng trăm loại hoa. Giữa muôn hồng ngàn tía, khoe hương sắc rực rỡ nhưng thiên hạ vẫn

nướm nượp ủa tới những gian hàng bán Hoa Mai, để tha hồ nhìn ngắm, lựa chọn những cành mai vàng năm cánh mỏng như lụa, đang rung rung nhẹ trước cơn gió thoảng. Đây là người bạn lâu đời nhất của Miền Nam, quanh năm sống heo hút trong rừng sâu, núi cao, chỉ những ngày sắp Tết mới hiện diện vui xuân với mọi nhà. Ngày nay theo thời thượng, nên nhân sinh đã tạo ra rất nhiều loại mai mới, có giống tới mười cánh, hai mươi cánh với các màu sắc lòe loẹt trắng, vàng hay ghép đủ màu sắc sỡ lố bịch. Đây là sản phẩm tự chế của xã nghĩa thiên đàng, quen xét đời qua giá trị của sản phẩm vật chất mà không cần biết tới cõi hồn tinh khiết bên trong, dù đó là hồn nước, hồn người hay hồn hoa thấm đượm.

Mai có thân hình khảng khiu nhưng cứng rắn mà vẫn ẻo lả duyên dáng, còn cánh hoa thì màu sắc thắm tươi, mỏng manh cho đến khi lìa cành mà màu sắc vẫn không thay đổi. Mai được xếp đầu trong muôn hoa, nở rộ trong những ngày đầu xuân “tiên hưởng bạch hoa đầu thượng khai”. Mai cũng là đề tài muôn thuở, làm mê say đắm lụy tâm hồn văn thi sĩ, họa sĩ, nghệ nhân bao đời. Nhờ vậy đã lưu truyền cho hậu thế nhiều tác phẩm nghệ thuật, nói về Mai rất đặc sắc và trữ tình. Có điều tuy cùng ngâm vịnh hoa Mai nhưng âm hưởng đã hoàn toàn khác biệt giữa giống Mai mà các văn nghệ sĩ VN ngâm vịnh và loài Mai Trúc trong nghệ thuật hội hoa, điêu khắc và ca tụng trong nền văn học Trung Hoa.

#### **- HOA MAI TRONG VĂN CHƯƠNG CỔ ĐIỂN:**

Loài Mai này hoàn toàn khác biệt với giống Mai vàng đã có từ lâu đời tại Miền Nam VN. Giống Mai này có tên khoa học là Prunus Mume, thuộc họ Hoa Hồng (Rosaceal). Mai này tương cận với cây Mơ, có tên khoa học Prunus Armeniaca Lin, cũng như cây Đào (Prunus Persica Stokes). Mai này có hoa năm cánh, màu trắng, hồng hay đỏ thắm, mùi thơm. Quả Mai lúc sống màu xanh và biến thành màu vàng khi chín. Người Trung Hoa miền Quý Châu, đem sấy khô thành quả Ô Mai hay Ô Môi và đem bán ở các thị thành VN mà chúng ta gọi trại là Xí Muội. Những chữ Mai trúc trong văn chương cổ điển Trung Hoa, chính là loại Mai này.

#### **- MAI VÀNG TẠI MIỀN NAM VN:**

Giống Mai này có tên khoa học là Dohna Harman, thuộc họ Hoàng Mai (Ochnaceae). Mai vàng không thơm, quả chỉ nhỏ bằng hạt đậu, khi còn tươi có màu xanh và biến thành màu đen lúc cây chết, không ăn được. Ngoài ra còn có một giống Mai thuộc họ Tre, thân dài thẳng đứng, vỏ cây rất dày có nhiều đốt, lá to. Loại Mai này được đốn với tre đem về làm nhà, ống đựng nước uống, nó hoàn toàn khác biệt với hai loài hoa Mai trên.

*“Miệng ăn măng trúc, măng mai  
những tre cùng lứa lấy ai bạn cùng” --(Phong dao VN)*

Nhưng cho dù thuộc giống Mai nào chẳng nữa, thì Mai vẫn là một loài thực vật có thể chịu đựng được tuyết giá đông hàn, luôn ngạo nghễ nở hoa, để chào đón chúa xuân, trong phút giây giao thời. Chính cái bản sắc cuồng ngạo đó, đã lôi cuốn nhân sinh vào cuộc chơi. Đó cũng vì Mai chính là hiện thân của hàng Kẻ Sĩ, Trượng phu, anh hùng mã thượng, chịu đựng tất cả dâu biển của cuộc đời, kể cả phong ba bão táp, để đạt cho được mục đích cuối cùng “lợi dân, ích nước, làm đẹp cho người”. Và cũng chỉ có Mai mới đủ thực chất để đại diện cho lớp người chọc trời khuấy nước, coi thường danh lợi phú quý như phù vân, xem vua quan thời nát thua loài cỏ rác, coi bọn khoa bảng trí thức xu thời, bợ thế, đua mị, nhắm mắt chạy theo lợi nhuận, chẳng khác nào sâu bọ, cầm thú đội lớp người. Điển hình nhất trong lớp người, có Chu Thần Cao Bá Quát, ông đã viết:

*“Thập tái luận giao cần cổ kiếm  
nhất sinh đề thủ bách mai hoa”*

Như Đào, hoa Mai cũng được các thi nhân vay mượn, dùng làm đề tài, để diễn tả nét đài trang, thanh nhã của những người đàn bà đẹp trong đời, qua các thời đại, như Nguyễn Du tiên sinh đã viết trong “Đoạn Trường Tân Thanh”:

*“Mai cốt cách, tuyết tinh thần  
mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.”*

Yêu quý mai, trân trọng mai tới độ bách phục mà các văn thi nhân còn chưa thấy là đủ, nên cuối cùng đã chọn mai làm người bạn tri kỷ, để ra vào cùng đối ẩm, cận kề:

*“nghêu ngao vui thú yên hà,  
mai là bạn cũ, hạc là người quen”*

## **- TAO NHÂN MẶC KHÁCH VỚI MAI:**

Chơi xuân, mỗi người một cách, nên hầu như không ai giống ai cả, nhất là đối với hàng tao nhân mặc khách. Đối với hạng bình dân chất phác, khi lựa chọn một cành mai để vui ba ngày tết, thì chỉ cần có nhiều hoa nở, đứng vào lúc giao thừa. Sau đó hoa vẫn tiếp tục nở rộ trong ba ngày xuân, thế là đủ rồi, vì đối với họ, đó là niềm vui cũng như sự may mắn. Nhưng với lớp người trưởng giả, thì khi chọn mai để thưởng thức phải là giống to, cao, hoa lá xum xê, để chủ nhà biểu lộ với hàng xóm láng giềng, về sự giàu sang sung túc của mình... Tuy nhiên đối với hàng tao nhân mặc khách, nhất là giới nghệ sĩ, thì mai không phải là loài vô tri, mà là một sinh vật có linh hồn, chẳng thế mà thiên hạ đã cùng đồng tâm chấp nhận “Mai là hoàng hậu của muôn hoa”.

Ái mộ, nâng niu, chiều chuộng nên thi nhân bao đời đã nhân cách hóa và đặt tên cho Mai nhiều mỹ danh vô cùng diễm lệ. Do đó với loài Mai có màu trắng như ngọc tuyết tinh



khôi, thì gọi là Bạch Mai, Chi Mai hay Mai Ngự Sử. Với loài Mai có màu xanh, thì được đặt tên là Mai Thanh Đài. Còn Mai có màu vàng thì gọi là Hoàng Mai hay Lạp Mai, vì loại mai này chỉ nở vào những ngày cuối đông mà thôi. Ngoài ra còn nhiều loại Mai khác như Hồng Mai (màu đỏ), Mai Thanh Đài Lục Ngạc (Hoa mai có 6 cánh đan chéo vào nhau như sừng nai, màu xanh), Mai Chuối (màu tím có hoa và trái kết thành chuỗi), Mai Chiếu Thủy (màu trắng, cánh nhỏ, thường rũ nghiêng xuống mặt nước), đây là loại mai quý hiếm. Cuối cùng là Mai tứ Thời có hoa suốt năm, bốn mùa.

Hiện không có tài liệu nào xác nhận thời gian đầu tiên loài Mai xuất hiện trên trái đất. Nhưng cái tên Mai lại được giải thích rằng: có một loài hoa rất gai góc chịu đựng cảnh băng giá mùa đông, để kịp nở hoa vào buổi giao thời, giữa năm cũ và năm mới. Hoa có năm cánh, kết thành một vòng tròn, biểu tượng ánh thái dương đang tỏa nắng ấm tới nhân gian vào buổi sớm đầu xuân. Với các đặc tính đó, loài hoa này mới được gọi là Hoa Mai. Ngoài ra liên quan tới giống hoa này, xưa nay đã có rất nhiều điển tích liên hệ như:

- **TRÚC MAI:** Vì bán mình để có tiền chuộc mạng cho cha mẹ, nên Thúy Kiều phải theo gã Mã Giám Sinh về Lâm Tri. Đêm đó một mình nàng ôm mặt khóc với bóng đèn khuya, nhớ đến người tình đang ngoài muôn dặm là Kim Trọng, mà đứt ruột nát hồn. Để diễn tả hoàn cảnh bi thiết đó, Nguyễn Du tiên sinh đã mượn điển tích “Trúc Mai” và viết:

*“Tái Sinh chưa dứt hương thê  
làm thân trâu ngựa đền bù Trúc Mai”*

Trúc Mai là hai loại cây vẫn xanh tốt trong mùa đông băng giá. Đặc tính của hai loại cây này là “Trúc bất chi thiên, Mai bất chi địa”, đó là một sự hòa hợp âm dương rất tuyệt diệu. Ngoài ra theo sách “Lưỡng bạn thư vũ tùy bút” có viết câu chuyện Trúc Mai như sau: Vào mùa đông, các tao nhân mặc khách thường tới Đầm Long Môn tại tỉnh Quảng Đông để thưởng ngoạn, vì tại đây có rừng Trúc Mai vẫn tươi tốt trong cảnh tuyết băng giá buốt lạnh lẽo. Tại đây, có hai giai nhân tài tử tên Hoàng Kỳ Mai và Lam Bá Trúc được dịp quen biết rồi yêu nhau tha thiết. Nhưng rồi cũng phải chia tay, trước giờ phân kỳ Lam Bá Trúc đã bẻ một cành Mai còn Hoàng Kỳ Mai thì dùng một nhánh trúc, để làm kỷ vật trao đổi, thệ nguyện nên cuối cùng đã toại nguyện. Từ đó để nói tới tình yêu trai gái, vợ chồng, người đời sau hay lấy điển tích “Trúc Mai” để diễn tả.

- **NHÁT CHI MAI:** Điển tích này được trích từ tập “Kiến Văn Tiêu Lục” của Lê Quý Đôn, nói về đời tư của Hồ Quý Ly. Theo sách cho biết tổ phụ ông là người Tàu, vì loạn lạc nên mới di cư sang Đại Việt. Lớn lên đi tìm công danh, nên Quý Ly đã bỏ làng quê tới kinh đô Thăng Long. Trên đường vô tình ông lượm được một quyển sách tên “Quảng Hàn Cung Lý Nhất Chi Mai” nên mở mang được nhiều kiến thức chính trị quân sự. Về sau Ông được vua Trần Nghệ Tông trọng dụng, nên thăng quan tiến chức rất nhanh. Một

hôm nhân các triều thần hội họp trong cung vua, Nghệ Tôn mới chỉ vào rừng quế, quanh điện Thiên Thủ, ra một câu đối:

*“Thanh thủ điện tiên thiên phụ quốc”*

Trong lúc các quan chưa kịp ứng đối, thì Quý Ly chợt nhớ tới nhan đề của cuốn sách mà trước đây mình đã vô tình lượm được, nên đối ngay:

- *“Quảng Hàn cung lý Nhất Chi Mai”*

Nhà vua cho đó là duyên kỳ ngộ, nên đã đem công chúa gả cho Quý Ly. Từ đó họ Hồ mới có cơ hội xây dựng thế lực và vây cánh, cướp ngôi nhà Trần sau khi Thượng Hoàng Nghệ Tông mất.

- **MAI TRƯỜNG AN:** Còn có tên là Mai Tứ Quý là giống Mai nở hoa bốn mùa. Điển tích “Mai Trường An” được rút ra từ câu chuyện nàng Tây Thi, cô gái nước Việt, đã giúp cho Vua Việt Câu Tiễn, đánh bại Ngô Phù Sai, rửa nhục và thu hồi lại đất nước đã mất. Điển tích trên, đồng thời cũng nhắc tới câu chuyện nàng Dương Thái Chân, tức là Dương Quý Phi ái thiếp của vua Đường Minh Hoàng. Thời đó có Lục Khải làm quan tại Giang Nam, nhân lính trạm mang thư tìn về kinh đô Trường An, nên ông đã bẻ một cành Mai, để gửi về tặng bạn là Phạm Việp, trong đó có kèm theo một bài thơ:

*“Chiết Mai phùng dịch sứ*

*Ký dữ lũng đầu nhân*

*Giang Nam vô sở hữu*

*Liễu tặng Nhất Chi Mai”*

Quá cảm động và càng thương quý bạn nên Phạm Việp đã đem cành mai đó trồng và sau đó Mai có hoa nở cả bốn mùa. Sau này các văn thi sĩ thường mượn loài Mai trên, tức Mai trường An, để nói về nhan sắc chim sa cá lặn của các giai nhân nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa, nhất là Tây Thi và Thái Chân.

- **MAI VÀ THƠ VĂN:**

Xưa nay, những người thoát tục ngoại hạng, thường ưa thích hoa Mai, vì cho đó là một biểu tượng cao quý của hạng Sĩ phu, Quân tử... theo quan niệm của Nho giáo. Thật vậy, với thái độ sừng sững giữa trời mưa gió. Trong cõi trời đất gần như hư vô bất động này, Mai đã rụng hết lá, chỉ còn lại thân cây trơ trọi. Thế rồi những ngày cuối chạp sắp Tết, bỗng dưng khắp thân Mai, tràn đầy lá xanh và búp nở. Tất cả như đợi chờ một khoảnh khắc giao mùa của trời đất, mới chịu mãn khai.

Đứng trước nỗi thế thái biến dâu của nhân tình và vạn vật, Mãn Giác Đại sư (1045-1096), một cao tăng thời Lý, đã viết bài kệ “Cáo Tật Thị Chúng”, rất nổi tiếng nên được lưu truyền tới ngày nay:

*“Xuân qua trăm hoa rụng  
xuân tới trăm hoa tươi  
trước mắt việc đi mãi  
trên đầu già đến rồi  
chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết  
đêm qua sân trước nở cành mai”*

Đây cũng chính là một thông điệp vô cùng trân quý, mà Thiền sư đã gởi lại cho hậu thế VN, với lời nhắn nhủ thật chân thành, khuyên bảo mọi người “phải kiên trì để mà sống, không cần sợ hãi bất cứ một nghịch cảnh nào, giống như đêm qua sân trước nở cành mai, dù ai cũng nghĩ rằng xuân tàn hoa rụng hết”.

Còn nhà sư Tế Kỵ sống vào thời Nhà Đường, đã mượn có “Tảo Mai”, để làm một bài thơ, cũng có ý tưởng rất cao siêu như Thiền sư Mãn Giác, khuyên mọi người phải sống kiên trì, giống như Hoa Mai, mới mong thành tựu:

*“Vạn mộc đông dục chiết  
cô căn noãn độc hồi  
tiền thân thâm tuyết lý  
tạc nhật nhất chi khai”*

Bài thơ cho biết là trong lúc muôn cây sắp chết cồng, riêng có Mai thì rễ đang trở mình, giữa cảnh tuyết băng giá lạnh, chợt đêm qua Mai nở hoa.

Trong văn chương cổ điển Trung Hoa, Đại Đường và Bắc Tống là hai thời đại rất thịnh hành về lối thơ Thất Ngôn ngâm vịnh. Đặc biệt thời Bắc Tống, có rất nhiều tao nhân mặc khách nổi tiếng, cũng không thua kém gì các thi thần, thi bá Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị... đời nhà Đường. Cũng vì vậy, họ đã lưu lại cho hậu thế rất nhiều bài thơ “Vịnh Mai” vô cùng đặc sắc. Trong số này đáng kể nhất có Lam Pha, suốt đời chỉ mê đắm Hoa Mai mà thôi, chứ không hề ngó tới đàn bà, dù đó là những người đẹp nổi tiếng tại kinh đô Biện Kinh (Khai Phong). Với Vương An Thạch (1021-1086), tể tướng thời Tống Thần Tông, chủ trương Tân Đảng, từng lầy một thời trên trường chính trị cũng như trong văn đàn, đã lưu lại cho hậu thế nhiều trước tác giá trị, trong đó có bài thơ “Mai Hoa”, rất được nhiều người ưa thích:

*“Trường dục sở Chi Mai  
Lãng Hàn độc tự khai*

*dao tri bất thị khuyết  
dữ mai tinh tác thập phần xuân”.*

Ý thơ muốn nói, nơi góc tường mấy nhánh mai, tự nở hoa trong rét, xa nhìn không phải tuyết vì có hương thâm bay.

Riêng Lư Mai Pha, thì chẳng những ca tụng Mai, mà ông còn đề cao cả tuyết và thơ. Theo quan niệm của ông, cho rằng người đời, bất cứ là ai, nếu đã sẵn có trong tay ba thứ trên, coi như họ đã có một trời xuân hạnh phúc:

*“Nhật mộ thi thành, thiên hữu tuyết  
dữ Mai tinh tác, thập phần xuân”*

Ý ông nói là vừa làm xong bài thơ thì đêm tới, trong lúc ngoài trời đầy tuyết, còn nơi góc nhà Mai cũng nở hoa, coi như ta đã hưởng trọn vẹn mười phần xuân rồi.

Mao Ngọc Long là con gái quan Ngự sử Mao Phụng Thiệu, có chồng đã hy sinh ngoài sa trường, nên ở vậy thủ tiết làm người sương phụ. Một mùa đông nọ, ngồi bên song cửa, nhìn tuyết đang rơi lã chã ngoài sân, chợt thấy cành mai lẻ loi đang khép nép dưới mái hiên lạnh, vừa nở rộ một cánh hoa trong cơn buốt giá. Nhìn cảnh sinh tình, thêm tủi phận cô đơn góa bụa của mình, nên nàng đã viết bài thơ “Đông Dạ”, để gửi gắm tâm sự u hoài của đời người sương phụ:

*“Thùy liêu tịch tịch, thư song hạ  
Đấy ảnh Mai Hoa, loạn dạ đặng”.*

Sau này các họa sĩ cũng theo gót các văn nhân thi sĩ nhập cuộc. Trong số này có Trọng Nhân, đã dùng mực nước, vẽ một cành Mai với hai màu đen trắng, ai cũng khen là Hoa có hồn. Đời nhà Minh có Vương Diệu ở Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, chuyên vẽ Hoa Mai Tây Hồ, với những nét u hoài lãng mạn nhưng cũng không kém phần mạnh mẽ, với nụ hàm tiếu đang mãn khai vô cùng duyên dáng, trữ tình. Hàng Châu từ lâu đời đã là kinh đô của Nhà Nam Tống, vùng đất nổi tiếng về Trà và sản xuất tơ lụa. Vì vậy các nghệ nhân đã đem Mai in trên tơ lụa, mà nổi tiếng nhất vẫn là những hình vẽ về loài “Ấn Mai”, do Vương Diệu sáng tạo, với khung cảnh như không như có, hấp dẫn lạ lùng.

Nhưng người nổi tiếng nhất khi vẽ Hoa Mai, trong nền hội họa cổ điển Trung Hoa, từ xưa tới nay vẫn được công nhận, vẫn là Vua Tống Huy Tông (1100-1125), thời Bắc Tống vì ham vẽ, mê chơi, lại tin nghe bọn nịnh thần như Sài Kính, Trương Ban Xương... làm cơ nghiệp nhà Tống đổ nát vào giặc Kim ở phương Bắc. Năm 1127, vua lúc đó là Thượng Hoàng, cùng với vua Khâm Tôn và nhiều triều thần, đã bị nước Kim bắt đem về giam giữ tại Nội Mông và chết ở đó. Tuy vua Huy Tông chỉ sống rất ngắn ngủi (1108-1135) nhưng



ông đã lưu lại cho hậu thế rất nhiều tranh vẽ giá trị, trong số này có bức danh họa “Kết năm màu trên nhành Mai”, hiện được trưng bày tại Viện Bảo Tàng Boston (Hoa Kỳ).

Bây giờ mọi người mới hiểu tại sao thời Nhà Tống, ai cũng thích Hoa Mai hơn các thời đại khác trong lịch sử Trung Hoa. Theo sử liệu, cho thấy nhà Tống rất yếu về quân sự, so với các nhà Hán, Đường và Minh. Do trên đất nước Tàu, từ thời Tống Thái Tổ (Triệu Khuông Dẫn) lập quốc năm 916, cho tới đời Vua cuối cùng là Đế Bình, thì bị Mông Cổ tiêu diệt năm 1279, luôn luôn bị các nước Liêu, Kim, Tây Hạ, Thổ Phồn, Mông Cổ, Đại Lý và Đại Việt... tấn công, xâm lấn. Do trên, các bậc văn nhân, thi sĩ kể cả họa sĩ và nhất là giới sĩ phu trí thức, thường lấy Hoa Mai làm biểu tượng tinh thần của người anh hùng trong thời loạn ly lửa khói, để đề cao dũng khí, sự tinh khiết cùng lý tưởng cứu dân, giúp nước của mọi người. Do trên, thời nhà Tống mới có nhiều thơ văn và họa phẩm nổi tiếng về Hoa Mai.

Tóm lại hiện có hai loài Mai, một của Trung Hoa đã xuất hiện từ thời thượng cổ, mà kinh thi đã từng đề cập. Riêng về giống Mai Vàng nổi tiếng của VN, tới nay vẫn chưa truy tìm được xuất xứ, cũng như thời gian ban đầu Mai xuất hiện. Tuy nhiên Mai vàng chỉ mọc ở Miền Nam VN, nhiều nhất trong hai tỉnh Quảng Nam và Bình Thuận. Theo Vương Hồng Sển, viết trong “Sài Gòn năm xưa”, thì miệt Sài Gòn chỉ có giống Mai Trắng, mọc rất nhiều tại Thới Lạnh Tự (Chùa Cây Mai), Gò Mai và Phụng Sơn Tự (Chùa Gò). Cũng theo tác giả, thì giống Bạch Mai này, được đem từ Cao Miên về trồng.

Tương truyền khi còn cầm quyền, vua Chế Mân đã lập vườn Mai Uyển ở Cà Ná là ranh giới giữa hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận hiện nay. Tại đây Vua cùng với Hoàng hậu Paramervan (Công chúa Trần Huyền Trân của Đại Việt), tới dạo chơi và thưởng ngoạn các loại hoa quý trong vườn, nhất là Mai. Tại đây Hoa Mai có nhiều loại, từ Hồng Mai, Bạch Mai hai tầng có cánh rất lạ, cho tới loại Hoàng Mai có cánh vàng, mỏng mà ta thường thấy trong dịp Tết. Hiện chiến tranh đã tàn phá tất cả, dù cảnh vẫn còn đó.

Những năm tháng sống tại quê nhà trước ngày 30-4-1975, năm nào tết tới cũng đều ao ước có được một cành mai vàng nho nhỏ để vui xuân nhưng đã trót làm dân xóm nhỏ, thì làm gì dư tiền để mua Mai như thiên hạ. Bởi vậy chỉ còn ngắm Mai vô hồn trong các bức tranh tết, treo trên vách lá, phên tre. Rồi thì tới tuổi lớn, thật sự mới có dịp thưởng thức Mai thật trong rừng hay trên các vách núi cheo leo, qua những bước hành quân xuôi Nam ngược Bắc. Nhưng buổi đó chiến tranh càng ngày càng mù mịt, tuổi đời như gắn liền với tuổi lính, thân phận còi cọc lẫn lộn trong khói lửa quê hương, nên còn hồn đâu mà chiêm bái, Mai vàng, Hoa đào hay Cúc tía... thậm chí có lúc cả bọn chưa cạn xong tiệc rượu nơi quán bên đường, thì bên ngoài trống trận, đã giục giã đoàn quân lên đường. Hỡi ơi đời lính là vậy đó.

Giờ thì lặng yên trong những ngày tết sắp tới nơi xứ người, bỗng thềm một cành Mai, để bắt chước người dân nước Tống thuở nào, mượn Mai dục hồn người vong quốc, xa nhà, sống đời lưu vong buồn sâu đứt ruột. Nhưng hồi ơi tất cả các loài hoa ở đây, như đã bỏ ta đi trốn. Càng nảo nùng hơn là những con đường thơ mộng của Hạ Uy Di ngày nào, nay chỉ còn đầy gió và lá rụng, làm thêm đau điếng khi nhớ tới những ngày xuân thơ ấu ở quê làng. Ở đây tết người đã tàn đêm hội, nên chỉ còn lại có những cơn mưa năm mới, làm nhớ tới ngày nào cũng trong cơn mưa, ta đã vuốt tóc em ướt sũng nước mưa, mà cứ tưởng đó là ngàn vạn đóa mai vàng mừng mùa xuân điểm tuyệt của hai đứa mình.

Lại thêm một tết quê người mà ta cứ mãi ngóng chờ mai đào chớm nở nhưng tất cả chỉ là mộng mị buồn rầu-/-

*Xóm Cồn Hạ Uy Di*  
*Giêng 2017*  
*Mường Giang*



---

*Nguồn: Internet E-mail by ddcb chuyển*

*Đăng ngày Thứ Năm, January 26, 2017*  
*Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*